

Bản án số: 24 /2021/HS-ST
Ngày: 05/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Chiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quý Minh Ánh
2. Ông Đặng Minh Thảo

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại Hội trường xét xử - Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 2 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 2 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1975

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: xóm ĐB, xã ĐT, huyện YP, tỉnh BN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Th; có chồng Tạ Xuân Đ, sinh năm 1974 (đã ly hôn); có 02 con chung (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, lưu giam Công an thị xã Phổ Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị Lê Thị Phương H, sinh năm: 2000; Trú tại: xóm Hợp Thịnh, xã Tr Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm: 1996; Trú tại: xóm Hộ Sơn, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Vi Thị Vân A, sinh năm: 1978; Trú tại: xóm Công Thượng, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Bà Dương Thị Ch, sinh năm: 1962; Trú tại: xóm Liên Minh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn Ch, sinh năm: 1994; Trú tại: thôn Thanh L, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Tạ Xuân Đ, sinh năm 1994; Trú tại: Đông Bích, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974; Trú tại: xóm Hanh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1979; Trú tại: xóm Hanh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Quang Ph, sinh năm: 1964; Trú tại: xóm Hộ Sơn, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu sài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 04/10/2020 đến ngày 29/10/2020, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu Nguyễn Thị T thực hiện 03 vụ trộm cắp trên địa bàn thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/10/2020 T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát đến chỗ ở của ông Lê Văn Tr (sinh năm 1968) tại xóm Hợp Thịnh, xã Tr Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để đặt vấn đề làm lễ cúng cho con. Khi đến nơi thì ông Tr không có nhà mà chỉ có con dâu của ông Tr là chị Lê Thị Phương H (sinh năm 2000) đang ở nhà. Khi vào nhà, T ngồi nói chuyện với chị H sau đó lợi dụng chị H không để ý, T đã đi vào trong nhà tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. T phát hiện thấy 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 plus loại 64GB màu hồng của chị H đang cắm sạc để ở cửa sổ. Do lúc này vợ của ông Tr là bà Nguyễn Thị H đi làm về nên T không lấy tài sản ngay mà đặt vấn đề muốn mua gà của bà H. Sau đó lợi dụng lúc bà H đi bắt gà ở ngoài vườn, T đã vào lấy chiếc điện thoại của chị H rồi tắt nguồn điện thoại cho vào túi áo khoác sau đó lấy lý do đi đón thêm người và ra về. Hai ngày sau khi trộm cắp được điện thoại, T đã mang chiếc điện thoại trên về thành phố Hải Phòng bán cho một người không quen biết với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền trên T đã tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá số 113 ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, 64GB, màu hồng, đã qua sử dụng trị giá: 8.000.000 đồng (T triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 09/10/2020, T điều khiển xe mô tô Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát đến chỗ ở của ông Nguyễn Quang Ph (sinh năm 1964) thuộc xóm Hộ Sơn, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên để đặt vấn đề làm lễ cúng. Khi đến nơi, ông Ph không có nhà mà chỉ có con dâu của ông Ph là chị Nguyễn Thị Bích Ng (sinh năm 1996) ở nhà. T vào trong nhà ngồi đợi và nói chuyện với chị Ng. Khoảng 05 phút sau ông Ph về thì T có đặt vấn đề làm lễ cúng thì ông Ph đồng ý. T nhờ chị Ng đi mua bánh, kẹo để làm lễ thì chị Ng đồng ý. Lợi dụng lúc ông Ph ở điện thờ chuẩn bị cho việc làm lễ còn chị Ng đang đi mua bánh kẹo nên T đã đi vào trong nhà ông Ph và phát hiện 02 (hai) chiếc điện thoại di động trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu Iphone 7, 32GB, màu vàng, 01 chiếc nhãn hiệu Iphone 7 Plus, 32GB, màu hồng của chị Ng để trên bàn uống nước. T đã lấy 02 (hai) chiếc điện thoại trên, tắt nguồn rồi để vào trong túi áo và ra về. Sau đó hai ngày T đã mang chiếc điện thoại Iphone 7, 32GB, màu vàng đến quán điện thoại TC thuộc xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bán với giá 800.000 đồng (T trăm nghìn đồng), còn chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng T mang về thành phố Hải Phòng bán cho một người không quen biết với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tất cả số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 91 ngày 01/11/2020, số 112 ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá thị xã Phổ Yên kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng, đã qua sử dụng trị giá: 2.800.000 đồng (Hai triệu T trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 plus, 32GB màu hồng, đã qua sử dụng trị giá: 6.800.000 đồng (Sáu triệu T trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 29/10/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đỏ, không gắn biển kiểm soát đến chỗ ở của chị Vi Thị VA(sinh năm 1978) thuộc xóm Yên Mễ, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên để gặp mẹ chồng chị VAxem bói và đặt mua vàng mã. Tại đây, T gặp chị VAvà bà Dương Thị C (sinh năm 1962; trú tại xóm Liên Minh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1974), chị Nguyễn Thị D (sinh năm 1979, đều trú tại: xóm Hanh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) đang dán vàng mã ở gần nhà sàn. Do mẹ chồng chị VAKhông có nhà nên T đã vào nói chuyện với chị VA, bà C, chị T, chị D. Sau đó khoảng vài phút, có xe chở vàng mã đến nên bà C cùng chị T, chị D đi ra xe bốc hàng còn chị VAdi vào bếp. T phát hiện thấy có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Purple, màu tím của chị VAvà 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 của bà C để ở chiếu dưới nền đất. Quan sát thấy không có ai để ý, T đã lén lút lấy 02 (hai) chiếc điện thoại trên cất vào túi áo rồi xin phép ra về. Sau đó T mang 02 (hai) chiếc điện thoại này về bán tại thành phố

Hải Phòng cho một người không quen biết với giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Số tiền trên T đã tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá số 114 ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá UBND thị xã Phổ Yên kết luận: 01 (một) điện thoại di động OPPO F11 Purple, màu tím, đã qua sử dụng trị giá: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01, màu đen, đã qua sử dụng trị giá: 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi của mình như nêu trên, lời khai của T phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Thị T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án gồm: 01 xe mô tô Honda SH màu đỏ có số khung: RLHJF7306GY042921, số máy: JF73E0043006, không gắn biển kiểm soát (tiền hành tra cứu xác định được chủ sở hữu là Nguyễn Thị T); 01 (một) mũ bảo hiểm dạng lưới chai màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, 32GB, màu vàng đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám đen, đã qua sử dụng; 01 (một) USB nhãn hiệu “Le cun” của anh Nguyễn Quang L (chồng của bị hại Ng) đã cung cấp cho Cơ quan điều tra, trong đó có ghi lại hình ảnh của T khi vào nhà chị Ng; 01 (một) thẻ nhớ và 06 sim điện thoại. Toàn bộ vật chứng này được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 38/CT-VKSPY, ngày 08/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn công khai, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng số 38/CT-VKSPY, ngày 08/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 18-24 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp của chị Lê Thị Phương H, chị Nguyễn Thị Bích Ng, chị Vi Thị VA, chị Dương Thị C đã được anh Tạ Xuân Đ (là con trai của bị cáo) bồi thường toàn bộ, đến nay các bị hại này không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn C quá trình điều tra xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 800.000đồng là tiền anh Ch đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại do bị cáo T trộm cắp mà có nên không xem xét giải quyết.

Đối với anh Tạ Xuân Đ là con trai của bị cáo đã tự nguyện bỏ ra số tiền để bồi thường toàn bộ cho các bị hại trong vụ án. Tại phiên tòa anh Đ không yêu cầu bị cáo

phải hoàn trả số tiền trên. Xét đề nghị của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát số khung: RLHJF7306GY042921, số máy: JF73E0043006 là phương tiện bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, 32GB, màu vàng bị cáo trộm cắp của chị Ng sau khi mua do không mở được mật khẩu anh Ch đã tháo ra để lấy toàn bộ linh kiện vì vậy đến nay giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ nhớ và 06 sim điện thoại do đến nay không có giá trị sử dụng; 01 mũ lưỡi trai, 01 USB.

+ Trả lại bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám đen vì đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận thừa nhận nội dung truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ch vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt toàn bộ người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét

xử, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên toà là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu. Trong các ngày 04, 09 và ngày 29/10/2020, Nguyễn Thị T tìm đến những nhà các thầy cúng trên địa bàn thị xã Phổ Yên thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là điện thoại di động, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 04/10/2020, T điều khiển xe mô tô Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát đến xóm Hợp Thịnh, xã Tr Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu hồng của chị Lê Thị Phương H, sau khi trộm cắp được điện thoại của chị H, T đã mang xuống thành phố Hải Phòng bán cho một người không quen biết với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền trên T đã tiêu xài hết. Chiếc điện thoại trên qua định giá xác định có trị giá 8.000.000 đồng (T triệu đồng).

Vụ thứ hai: Ngày 09/10/2020, T điều khiển xe mô tô Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát đến xóm Hộ Sơn, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; cũng với thủ đoạn giả vờ đi làm lễ, Nguyễn Thị T lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại Iphone 7, 32GB, màu vàng và 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, 32 GB, màu hồng của chị Nguyễn Thị Bích Ng. Sau khi lấy 02 (hai) chiếc điện thoại trên, T tắt nguồn rồi để vào trong túi áo và ra về. Sau đó hai ngày T đã mang chiếc điện thoại Iphone 7, 32GB, màu vàng đến quán điện thoại TCthuộc xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bán với giá 800.000 đồng (T trăm nghìn đồng), còn chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng T mang về thành phố Hải Phòng bán cho một người không quen biết với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tất cả số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết. Hai chiếc điện thoại T trộm cắp của chị Ng qua định giá xác định có tổng trị giá 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 29/10/2020, T tiếp tục điều khiển xe mô tô Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát đi đến xóm Yên Mỹ, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; tại đây T có hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động OPPO F11 Purple, màu tím của chị Vi Thị VA và 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A01 của bà Dương Thị C. Sau khi trộm cắp được tài sản, T mang 02 (hai) chiếc điện thoại này về thành phố Hải Phòng bán cho một người không quen biết với giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), số tiền trên T đã tiêu xài hết. Chiếc điện thoại của chị VAxác định có giá trị là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) và chiếc điện thoại của bà Dương Thị C trị giá 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm

nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản 03 lần Nguyễn Thị T trộm cắp có giá trị là: **22.400.000đồng** (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hành vi, ý thức của bị cáo Nguyễn Thị T đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng số 38/CT-VKSPY, ngày 08/02/2021, Viện kiểm sát nhân của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố bị cáo là có căn cứ.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[3]. Xét tính chất, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội mong muốn có tiền tiêu sài cá nhân.

[4]. Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học ở nhà, lấy chồng làm lao động tự do tại địa phương.

Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị kết án hoặc xử lý hành chính lần nào nên được coi là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình người thân bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt, bố mẹ bị cáo là ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Th đều là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì (ông Ch hiện là thương binh hạng 2/4) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Mặc dù đây là lần đầu tiên bị cáo bị đưa ra xét xử, tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, những lần trộm cắp này đều chưa bị kết án. Do đó theo tinh thần hướng dẫn tại Mục 4, Phần I Công văn số: 01/2017/GĐ-TANDTC, ngày 07/04/2017, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần, giá trị tài sản của những lần trộm cắp đều trên mức khởi điểm. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “*Phạm tội 02*

lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân thấy rằng trong một thời gian ngắn bị cáo thực hiện liên tiếp các vụ trộm cắp trên địa bàn gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Mức án đại D Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, hiện đang nuôi hai con, hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp của chị Lê Thị Phương H, chị Nguyễn Thị Bích Ng, chị Vi Thị VA, chị Dương Thị C đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ, đến nay các bị hại này không yêu cầu và đề nghị gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn C quá trình điều tra xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 800.000 đồng là tiền anh Ch đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại do bị cáo T trộm cắp mà có nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền gia đình bị cáo, cụ thể anh Tạ Xuân Đ là người bỏ ra số tiền bồi thường cho các bị hại thay bị cáo. Tại phiên tòa anh Đ không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng vụ án:

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát số khung: RLHJF7306GY042921, số máy: JF73E0043006 xét đây là phương tiện bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản và là tài sản riêng đứng tên bị cáo nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, 32GB, màu vàng bị cáo trộm cắp của chị Ng đến nay chị Ng đã được bồi thường dân sự và không nhận lại tài sản trên. Quá trình điều tra xác định sau khi mua anh Ch mua chiếc điện thoại trên của bị cáo do không mở được mật khẩu anh Ch đã tháo ra để lấy toàn bộ linh kiện vì vậy đến nay giá trị sử dụng của chiếc điện thoại không còn mà chỉ còn lại vỏ bên ngoài nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) thẻ nhớ và 06 sim điện thoại, 01 mũ lưỡi chai; 01 USB đến nay không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Trả lại bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám đen vì đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Về các vấn đề khác: Trong vụ án này còn có anh Trần Văn Clà người được T bán cho 01 (một) điện thoại Iphone 7, 32GB, màu vàng mà T đã trộm cắp được ngày 09/10/2020, nhưng anh Ch không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh Ch là phù hợp, có căn cứ.

Đối với những người khác đã mua điện thoại mà T trộm cắp, T xác định bán cho những người không quen biết ở thành phố Hải Phòng nên cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xem xét, xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

1. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **18** (mười T) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/11/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thị T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại gồm chị Lê Thị Phương H, chị Nguyễn Thị Bích Ng, chị Vi Thị VA, chị Dương Thị C. Người bị hại không yêu cầu và đề nghị gì thêm đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn C quá trình điều tra xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 800.000đồng là tiền anh Ch đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại do bị cáo T trộm cắp mà có nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền anh Tạ Xuân Đ (con bị cáo) đã bồi thường cho những người bị hại thay bị cáo. Tại phiên toà anh Đ không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, không gắn biển kiểm soát số khung:RLHJF7306GY042921,số máy: JF73E0043006, xe đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7,32GB, màu vàng đã qua sử dụng mode A1778FCC ID: BCG-E3091A IC:579C-E3091A do không còn giá trị sử dụng; 01 (một) thẻ nhớ và 06 sim điện thoại; 01 gói niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A2 ghi mũ lưỡi chai; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A ghi USB “Le cun”.

+ Trả lại bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám đen, đã qua sử dụng imel:354454068822551.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, ngày 08/02/2021)

5. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Bị cáo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hải Chiều

